

Sơ bộ thực trạng dạy học trực tuyến của giáo viên phổ thông trong giai đoạn COVID-19 và một số khuyến nghị

Lê Đông Phương¹, Cao Thị Phương Chi²

¹ Email: phuongld@vnies.edu.vn

² Email: chictp@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Bài viết trình bày một số kết quả thu được qua khảo sát về hoạt động dạy học trực tuyến của giáo viên phổ thông trong giai đoạn nghỉ học vì dịch Covid-19 tại 42 tỉnh/thành phố với gần 929 giáo viên Trung học và Tiểu học ở 42 tỉnh/thành phố. Giáo viên tham gia dạy học trực tuyến có trình độ đào tạo trung cấp, cao đẳng và đại học trở lên. Các môn học được dạy trực tuyến nhiều nhất gồm có: Toán học, Ngữ văn, Vật lí, Ngoại ngữ và các môn Tiểu học. Khả năng dạy học trực tuyến của giáo viên còn hạn chế nhưng vì giãn cách xã hội đã buộc phải dạy học trực tuyến theo yêu cầu của các cơ quan quản lí. Công cụ được dùng chủ yếu là Zoom, Google Classrooms và Microsoft Teams và được giáo viên chọn do đã biết cách dùng. Giáo viên ít được tập huấn, phần lớn giáo viên đã tự tìm hiểu học hỏi về dạy học trực tuyến thông qua các nhóm/diễn đàn trên mạng xã hội trong thời gian diễn ra dịch bệnh. Việc dạy học trực tuyến được giáo viên tiến hành chủ yếu thông qua “phát trực tuyến” hoạt động dạy học của mình, phần lớn giáo viên đã tích hợp bài giảng bằng PowerPoint khi tổ chức dạy học trực tuyến. Tuy nhiên, đa số giáo viên vẫn chưa có các kĩ năng biên tập, chuẩn bị các học liệu điện tử như video, audio hay hình ảnh. Giáo viên vẫn còn nhiều khó khăn khi thực hiện dạy học trực tuyến. Họ chủ yếu vẫn sử dụng máy tính xách tay cá nhân, một số phải dùng điện thoại thông minh trên nền mạng 3G/4G vì không có kết nối mạng cho máy tính. Một số ít học sinh không có đủ điều kiện để tham gia học trực tuyến. Lớp học trực tuyến có số lượng học sinh tham gia khá lớn nên đảm bảo sự tham gia của học sinh là điều không dễ đối với giáo viên. Trên cơ sở các phát hiện ban đầu, bài viết đưa ra một số khuyến nghị về tổ chức dạy học trực tuyến, bồi dưỡng giáo viên về dạy học trực tuyến và điều kiện đảm bảo cho dạy học trực tuyến ở bậc phổ thông.

TỪ KHÓA: Dạy học trực tuyến; giáo viên phổ thông; giáo viên tiểu học; giáo viên trung học cơ sở; giáo viên trung học phổ thông; phương pháp dạy học.

→ Nhận bài 13/11/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 25/11/2020 → Duyệt đăng 25/01/2021.

1. Đặt vấn đề

Sự bùng phát của bệnh viêm đường hô hấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra (Covid-19) được Tổ chức Y tế Thế giới tuyên bố là một tình trạng khẩn cấp về sức khỏe toàn cầu. Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất nhiều đến các hệ thống xã hội trong đó có giáo dục. Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, để hạn chế sự bùng phát của dịch bệnh trong các cơ sở giáo dục nhưng không để làm ảnh hưởng lớn đến việc học tập của học sinh (HS), Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa ra phương châm “tạm dừng đến trường, không dừng việc học”. Các giải pháp về dạy và học phù hợp với tình hình thực tế, trong đó, giải pháp dạy học qua internet, trên truyền hình đã được thực hiện trên toàn quốc và bước đầu có những kết quả nhất định.

Tuy nhiên, do sự bùng phát dịch bệnh nhanh chóng và bất ngờ, mức độ nguy hiểm của dịch bệnh không lường trước được. Vì vậy, chúng ta chưa có những bước chuẩn bị cần thiết để đảm bảo cho việc dạy học trực tuyến (DHTT) có hiệu quả. Khi triển khai một trong những

vấn đề phát sinh đó là giáo viên (GV) phổ thông đã gặp phải nhiều vấn đề. Một số tài liệu nước ngoài [1], [2], [3], [4], [5] cho thấy, khi DHTT, GV có thể gặp các khó khăn chung như sau: HS thụ động; khó kết nối với HS; thiếu “ngôn ngữ cơ thể” trực quan; HS không có động lực; thiếu sự tương tác GV - HS và giữa HS; HS chóng quên bài; khó khăn về kĩ thuật/sợ các kĩ thuật mới, quản lí thời gian dạy học, thiếu kết nối internet.

Trong bối cảnh nói trên, chúng tôi đã tiến hành khảo sát thực tế DHTT của GV phổ thông nhằm: Nắm bắt thực trạng của việc DHTT của GV phổ thông trong hoàn cảnh của đại dịch; Bước đầu tìm ra những khó khăn, thách thức mà GV đang gặp phải khi chuyển sang DHTT. Trên cơ sở đó, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị cần thiết về điều kiện đảm bảo cho DHTT.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Mô tả khảo sát

- *Mục đích khảo sát:* Tìm hiểu thực trạng việc dạy và học trực tuyến trong giai đoạn Covid-19 nhằm tìm ra

những hạn chế và hướng khắc phục.

- *Nội dung khảo sát*, bao gồm: 1/ Thông tin về việc triển khai DHTT; 2/ Các công cụ đã được sử dụng trong DHTT; 3/ Hình thức tổ chức DHTT; 4/ Những khó khăn mà GV đã gặp phải khi DHTT; 5/ Một số đề xuất của GV về DHTT.

- *Công cụ và phương pháp khảo sát*: Được thực hiện hoàn toàn online và sử dụng công cụ Google form. GV tham gia thực hiện khảo sát thông qua thông tin nhận được trên các nhóm, trang của Facebook, Zalo. Đó là một hình thức tương tác rất phổ biến với GV trong giai đoạn giãn cách xã hội. Chính vì vậy, hạn chế lớn nhất của khảo sát này là đối tượng tham gia khảo sát sẽ chỉ dừng lại ở số GV tích cực sử dụng mạng xã hội Facebook, Zalo có nhiều kết nối với các nhóm/trang chuyên môn trong khi rất nhiều GV và HS chưa có điều kiện để thực hiện dạy và học trực tuyến.

2.2. Kết quả khảo sát

Tổng số GV khảo sát là 929 người ở 42 tỉnh/thành phố khác nhau, trong đó có 281 GV nam và 648 GV nữ. Trong số GV đã tham gia trả lời, có 157 GV là người dân tộc thiểu số, chiếm 16,9%. Số GV người dân tộc thiểu số chủ yếu ở địa bàn KV-1 (vùng sâu, vùng xa), lên tới 22,5%. Điều đáng lưu ý là số GV này chủ yếu đang dạy Trung học phổ thông (THPT). Trình độ đào tạo của những GV trả lời khảo sát phổ biến là Đại học, số GV có trình độ Thạc sĩ (xem Bảng 1) cao nhất là ở KV-3 (gần 1/3). Điều này phần nào phản ánh khả năng tiếp cận các thông tin về giáo dục trực tuyến có liên quan khá nhiều

Bảng 1: Trình độ đào tạo của số GV tham gia khảo sát

		Khu vực			
		KV-1	KV-2 NT	KV-2	KV-3
Trình độ đào tạo cao nhất	Cao đẳng sư phạm	0.6%	18.8%	17.2%	2.9%
	Đại học	84.8%	60.9%	60.9%	64.7%
	Thạc sĩ	14.6%	20.3%	21.1%	32.4%
	Tiến sĩ			0.8%	

Bảng 2: Tự đánh giá về khả năng sử dụng CNTT và tiếng Anh của GV tham gia khảo sát

		Cấp học			Toàn bộ
		TH	THCS	THPT	
Tự đánh giá về khả năng ứng dụng CNTT vào việc dạy học	Thành thạo	34.9%	63.0%	41.8%	43.2%
	Chưa thành thạo	65.1%	37.0%	57.5%	56.3%
	Chưa sử dụng được			0.7%	0.5%
Tự đánh giá về khả năng tiếng Anh	Đọc hiểu tốt	8.7%	15.0%	14.1%	13.5%
	Đọc hiểu cần có trợ giúp	77.0%	75.0%	74.5%	74.9%
	Không dùng được	14.3%	10.0%	11.4%	11.6%

với trình độ học vấn của GV.

Tuổi trung bình của các GV tham gia khảo sát chưa đến 40. GV THPT có phân bố tuổi tập trung nhất ở độ tuổi 35 - 45 trong khi các GV tiểu học (TH) và trung học cơ sở (THCS) rải đều hơn. Để làm chủ các công cụ DHTT khả năng sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) và sử dụng tiếng Anh có ý nghĩa rất quan trọng đối với người GV. Về cơ bản, đa số GV vẫn thấy mình chưa thành thạo về cả CNTT và tiếng Anh (xem Bảng 2). Khả năng sử dụng CNTT tốt nhất là ở GV THPT.

Các môn học được dạy trực tuyến được thể hiện theo cấp học ở Bảng 3. Các môn học được dạy trực tuyến nhiều nhất (không tính khối TH) là các môn Toán học, Ngữ văn, Vật lý và Ngoại ngữ.

Bảng 3: Các môn học chính được dạy trực tuyến

	Cấp học			Toàn bộ
	TH	THCS	THPT	
Âm nhạc	0.8%	1.0%		0.2%
Các môn TH	96.8%			13.1%
Công nghệ		1.0%	4.3%	3.3%
Địa lí		5.0%	4.3%	3.8%
Giáo dục công dân		2.0%	4.0%	3.2%
Giáo dục quốc phòng			0.3%	0.2%
Hóa học		7.0%	8.5%	7.2%
Vật lí		18.0%	13.2%	11.9%
Mĩ thuật		1.0%		0.1%
Ngoại ngữ	2.4%	11.0%	11.2%	10.0%
Sinh học		8.0%	6.7%	5.9%
Lịch sử		6.0%	6.0%	5.2%
Thể dục			2.6%	1.9%
Tin học		5.0%	6.5%	5.5%
Toán học		25.0%	17.5%	15.9%
Ngữ văn		10.0%	14.9%	12.4%

Đối tượng HS tham gia học chủ yếu là HS tại trường của các GV, tuy nhiên cũng có một số HS bên ngoài tham gia vào các lớp bồi dưỡng thêm của GV. Tỷ lệ này cao nhất ở THCS (xem Bảng 4).

Bảng 4: Đối tượng tham gia học trực tuyến

		Bậc học			Toàn bộ
		TH	THCS	THPT	
Đối tượng học	HS do mình phụ trách	96.7%	78.0%	89.6%	89.3%
	HS do mình phụ trách + HS bên ngoài	1.6%	18.0%	8.8%	8.9%
	HS bên ngoài	1.6%	4.0%	1.3%	1.6%
	Các đối tượng khác			0.3%	0.2%

Phần mềm được sử dụng trong DHTT rất đa dạng. Tuy nhiên, phần mềm được GV sử dụng chủ yếu là bản miễn phí, trừ một số trường có đầu tư mua bản quyền cho GV bản chuyên nghiệp. Đa số GV sử dụng các công cụ Zoom và Zalo để tổ chức hoạt động DHTT, trong đó Zalo được dùng nhiều nhất ở GV cấp TH còn Zoom thì lại được dùng nhiều ở GV cấp THPT. Một số GV có sử dụng Google Classroom hay Microsoft Teams (xem Bảng 5). Lí do lựa chọn sử dụng chủ yếu là do tính dễ sử dụng của phần mềm và đã được hướng dẫn hay tập huấn. Tuy nhiên, việc này cũng cho thấy sự thiếu đồng bộ trong sử dụng các phần mềm hội nghị video để dạy học, nhất là khi các GV chủ yếu chọn phần mềm theo hiểu biết của mình thay vì có sự định hướng của các cơ quan quản lí trực tiếp như trường, phòng giáo dục hay sở giáo dục.

Bảng 5: Tỷ lệ sử dụng các phần mềm trong DHTT

Phần mềm được sử dụng	Cấp học			Toàn bộ
	TH	THCS	THPT	
Zoom	65.00%	84.62%	91.68%	86.89%
Google	11.00%	25.64%	25.35%	23.25%
Skype	7.00%	6.41%	4.67%	5.22%
Zalo	80.00%	67.95%	65.11%	67.66%
Microsoft Teams	10.00%	26.92%	21.70%	20.57%
Phần mềm khác	15.00%	35.90%	25.35%	25.04%

Khi được hỏi về hiệu quả của các hoạt động tập huấn sử dụng phần mềm DHTT, GV cho biết các hoạt động tập huấn tại trường có hiệu quả nhất. Điều này cũng dễ hiểu vì các trường có thể tổ chức tập huấn tại chỗ trong khi các đơn vị khác chỉ có thể tập huấn qua hình thức trực tuyến. Các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn của các nhóm trên mạng, được tổ chức khá rầm rộ cũng được đánh giá cao gần bằng tập huấn tại trường. Có

thể nói, công tác tập huấn hướng dẫn cần rất cụ thể. Đây là việc làm không dễ trong hoàn cảnh thiếu thống nhất về phần mềm và khả năng hướng dẫn theo dạng cầm tay chỉ việc.

Về các kĩ thuật có liên quan tới chuẩn bị bài và thực hiện bài giảng trực tuyến cho thấy, GV vẫn còn lúng túng trong một số kĩ thuật nhất định như ghi âm hay ghi hình, biên tập video hay audio phục vụ bài giảng (xem Bảng 6). Nhiều GV TH vẫn chưa sử dụng phần mềm trình chiếu PowerPoint. Những kĩ năng liên quan đến thực hiện bài giảng trực tuyến thực hiện tốt nhất là ở GV THPT.

Bảng 6: Mức độ thực hiện một số kĩ năng chuẩn bị và giảng bài trực tuyến

		Bậc học			Toàn bộ
		TH	THCS	THPT	
Ghi hình bài dạy	Chưa bao giờ	42.1%	35.0%	36.3%	36.9%
	Đôi khi	32.5%	37.0%	43.1%	41.0%
	Thường xuyên	19.0%	20.0%	15.4%	16.4%
	Rất thường xuyên	6.3%	8.0%	5.3%	5.7%
Ghi âm bài dạy	Chưa bao giờ	42.9%	31.0%	38.4%	38.2%
	Đôi khi	33.3%	34.0%	42.8%	40.6%
	Thường xuyên	15.9%	26.0%	14.5%	15.9%
	Rất thường xuyên	7.9%	9.0%	4.3%	5.3%
Biên tập video	Chưa bao giờ	53.2%	33.0%	47.4%	46.6%
	Đôi khi	25.4%	33.0%	36.8%	34.9%
	Thường xuyên	13.5%	28.0%	12.1%	14.0%
	Rất thường xuyên	7.9%	6.0%	3.7%	4.5%
Biên tập âm thanh	Chưa bao giờ	50.8%	43.0%	54.8%	53.0%
	Đôi khi	26.2%	28.0%	31.2%	30.1%
	Thường xuyên	14.3%	24.0%	10.4%	12.4%
	Rất thường xuyên	8.7%	5.0%	3.7%	4.5%
Thiết kế bài kiểm tra, quiz	Chưa bao giờ	46.8%	29.0%	33.0%	34.4%
	Đôi khi	29.4%	36.0%	32.3%	32.3%
	Thường xuyên	16.7%	29.0%	25.9%	25.0%
	Rất thường xuyên	7.1%	6.0%	8.8%	8.3%
Soạn bài trình bày PowerPoint	Chưa bao giờ	21.4%	2.0%	5.3%	7.1%
	Đôi khi	18.3%	13.0%	22.0%	20.6%
	Thường xuyên	31.0%	36.0%	46.4%	43.2%
	Rất thường xuyên	29.4%	49.0%	26.3%	29.2%
Tạo nhóm/kênh lớp học/môn học	Chưa bao giờ	22.2%	9.0%	12.2%	13.2%
	Đôi khi	14.3%	25.0%	31.4%	28.4%
	Thường xuyên	29.4%	40.0%	38.4%	37.4%
	Rất thường xuyên	34.1%	26.0%	17.9%	21.0%

Điều kiện đảm bảo để dạy học online của GV cũng khá đa dạng. Đa số GV đã có kết nối mạng dây tốc độ cao hay 3G/4G của các nhà mạng di động. Đa số GV đã có máy tính và điện thoại thông minh. Tuy nhiên, các thiết bị như webcam rời hay micro rời thì chỉ có rất ít người có được. Điều này chắc chắn sẽ làm hạn chế hoạt động dạy học của GV vì họ sẽ bị lệ thuộc nhiều hơn vào máy laptop hoặc điện thoại di động. Các loại hình nội dung số GV có được cũng đa dạng (xem Bảng 7). Tài liệu số chiếm tỉ lệ cao nhất, sau đó là các đề thi và bài kiểm tra dạng số. Video clips chưa có nhiều.

Bảng 7: Các loại nội dung số GV có được

Nội dung số	Tỉ lệ
Tài liệu/ nội dung dạng số	79.1%
Hình ảnh số	50.4%
Video clips	42.4%
Đề thi/ kiểm tra dạng số	59.3%
Học liệu khác	0.6%

Đánh giá về khả năng tham gia của HS vào các bài học trực tuyến cho thấy có sự khác biệt đáng kể giữa các khu vực. Vùng khó khăn KV-1 chỉ có khoảng một nửa HS có đủ điều kiện tối thiểu để tham gia học trực tuyến trong

Bảng 8: Khả năng tham gia học trực tuyến của HS theo đánh giá của GV

	Khu vực			
	KV-1	KV-2 NT	KV-2	KV-3
Bao nhiêu % HS có đủ điều kiện tối thiểu để học trực tuyến	54%	80%	72%	80%
Bao nhiêu % HS tích cực tham gia các bài học trực tuyến	44%	62%	57%	50%

khi vùng thuận lợi con số này có thể lên tới 80% (xem Bảng 8). Điều này dẫn đến sự tham gia của HS vào các bài học trực tuyến cũng có giới hạn. Tỉ lệ HS tham gia tích cực vào các bài giảng chỉ khoảng 60 - 70% cho thấy DHTT chưa thể đạt được mức chất lượng mong muốn nhất là trong bối cảnh không phải tất cả HS đều có đủ điều kiện tham gia vào học tập trực tuyến đúng nghĩa.

Khi được hỏi về mức độ đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục hiện nay hơn 1/2 số GV cho rằng, đã đáp ứng được khá tốt (xem Bảng 9). Tuy nhiên, vẫn còn một tỉ lệ khá lớn (khoảng 30 - 40%) GV, ở mọi địa bàn cho rằng, DHTT chưa đáp ứng tốt. Đánh giá này hoàn toàn phù hợp với đánh giá về sự tham gia của HS trong các bài học trực tuyến đã nêu.

Đánh giá về việc dạy học trên truyền hình, khá nhiều GV cho rằng HS có tham gia theo dõi các bài giảng trên

Bảng 9: Mức độ đáp ứng của DHTT đối với các yêu cầu của chương trình giáo dục

		Khu vực				Toàn bộ
		KV-1	KV-2 NT	KV-2	KV-3	
DHTT đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục	Rất tốt	1.5%	3.1%	0.8%	1.5%	1.5%
	Tốt	10.5%	6.3%	9.4%	8.8%	9.9%
	Khá tốt	54.1%	51.6%	57.0%	44.1%	53.6%
	Chưa tốt	32.4%	37.5%	32.0%	44.1%	33.5%
	Rất tệ	0.7%	1.6%	0.8%	1.5%	0.9%
	Ý kiến khác	0.7%				0.5%

Bảng 10: Nhận định về dạy học trên truyền hình theo khu vực

		Khu vực				Toàn bộ
		KV-1	KV-2 NT	KV-2	KV-3	
HS có học các bài giảng trên truyền hình không?	Có	72.7%	54.7%	58.6%	70.6%	69.4%
	Không	10.7%	29.7%	25.0%	14.7%	14.3%
	Không rõ	16.5%	15.6%	16.4%	14.7%	16.3%
Sử dụng truyền hình để dạy học có giúp đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục	Có	67.2%	51.6%	57.0%	60.3%	64.2%
	Không	19.8%	28.1%	28.9%	20.6%	21.7%
	Không rõ	13.0%	20.3%	14.1%	19.1%	14.1%

Bảng 11: Nhận định về dạy học trên truyền hình theo cấp học

		Bậc học			Toàn bộ
		TH	THCS	THPT	
HS có học các bài giảng trên truyền hình không?	Có	40.5%	80.0%	73.1%	69.4%
	Không	45.2%	8.0%	9.5%	14.2%
	Không rõ	14.3%	12.0%	17.4%	16.4%
Sử dụng truyền hình để dạy học có giúp đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục	Có	52.4%	65.0%	66.1%	64.2%
	Không	27.8%	21.0%	20.8%	21.7%
	Không rõ	19.8%	14.0%	13.1%	14.1%

truyền hình (xem Bảng 11), nhất là GV khối THCS. Tỷ lệ này cao nhất ở KV-1 (xem Bảng 10), nguyên nhân do HS không có đủ điều kiện để học trực tuyến. Tuy nhiên, hiệu quả của các bài giảng trên truyền hình vẫn chưa phải là cao. Điều này cũng dễ hiểu vì các bài học trên truyền hình thiếu hẳn tính tương tác cần thiết.

Nguyên vọng của các GV tham gia khảo sát (xem Bảng 12) sắp xếp theo nhu cầu thứ tự sau: (1) Kỹ thuật, phương pháp dạy học; (2) Tài liệu, học liệu; (3) Phương tiện; (4) Kinh phí; (5) Thời gian; (6) Hỗ trợ khác. Đặc biệt đối với vùng KV-1 kỹ thuật, phương pháp và tài liệu, học liệu là những yêu cầu cấp bách nhất.

Bảng 12: Mong muốn được hỗ trợ của GV

	Khu vực			
	KV-1	KV-2 NT	KV-2	KV-3
Kinh phí	39.0%	73.4%	52.8%	49.3%
Thời gian	35.2%	39.1%	37.0%	44.8%
Phương tiện	65.6%	82.8%	73.2%	61.2%
Kỹ thuật, phương pháp dạy học	80.2%	75.0%	68.5%	82.1%
Tài liệu/học liệu	67.8%	71.9%	68.5%	64.2%
Hỗ trợ khác	1.2%	4.7%	1.6%	3.0%

3. Kết luận và khuyến nghị

3.1. Kết luận

Mặc dù cuộc khảo sát có những hạn chế nhất định nhưng kết quả khảo sát bước đầu cho thấy việc thực hiện DHTT của GV phổ thông trong thời gian giãn cách còn có nhiều vấn đề cần phải giải quyết mới đạt được hiệu quả dạy học theo yêu cầu của chương trình giáo dục.

- Việc DHTT trong giai đoạn giãn cách xã hội là một hoạt động bị động. Các nhà trường chưa có sự chuẩn bị về cơ sở hạ tầng, thiết bị dạy học. GV và HS chưa có sự chuẩn bị về dạy và học trực tuyến. Các cấp quản lý chưa có sự chuẩn bị chuyển đổi từ quản lý dạy học trực tiếp sang DHTT.

- Phương tiện được sử dụng trong DHTT chủ yếu là

phương tiện dạy học cá nhân hiện có như máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng. HS nhiều nơi chưa có các phương tiện tối thiểu dành cho việc học trực tuyến.

- Công cụ DHTT chưa có sự thống nhất, chưa đồng bộ, chủ yếu là công cụ miễn phí, dễ sử dụng. Các cơ sở giáo dục vì nhiều lý do khác nhau chưa thực sự đầu tư cho công cụ DHTT.

- Nguồn học liệu còn hạn chế, mới dừng lại ở tài liệu số có kênh chữ và kênh hình, chưa có nhiều nguồn học liệu chuyên cho DHTT. Bài giảng điện tử thực sự chưa có và GV chưa có khả năng biên tập bài giảng điện tử.

- Năng lực sử dụng công cụ DHTT còn hạn chế, không đồng đều giữa các GV, giữa các độ tuổi và cấp học. Lý do chủ yếu tập chung vào nguyên nhân do chưa được tập huấn bài bản, trình độ CNTT và ngoại ngữ còn hạn chế.

- Về hiệu quả của tập huấn DHTT, GV lại đánh giá cao hoạt động chia sẻ tập huấn online của các nhóm GV trên các diễn đàn (hiệu quả gần bằng với tập huấn trực tiếp tại các trường). Đây cũng là một lưu ý để các nhà nghiên cứu khi thiết kế các chương trình bồi dưỡng.

- Về việc tổ chức hoạt động DHTT mới chỉ lại ở mức độ truyền tải trực tuyến các hoạt động dạy học mà GV tổ chức hoạt động như hoạt động dạy học trực tiếp trên lớp. Vì vậy, hiệu quả chưa cao. Có nhiều lý do trong đó lý do quan trọng nhất là kỹ thuật và phương pháp DHTT khác rất nhiều do với hoạt động dạy học trên lớp.

- Các bài giảng trên truyền hình được GV đánh giá hiệu quả còn nhiều hạn chế, lý do những bài giảng đó chưa có sự tương tác. Nhưng họ cho rằng nếu kết hợp với DHTT thì hiệu quả sẽ cao hơn.

3.2. Khuyến nghị

- Các cơ quan quản lý giáo dục cần sớm xây dựng một danh sách các nền tảng hoặc phần mềm DHTT có hiệu quả để làm cơ sở cho các cơ sở giáo dục lựa chọn phù hợp với điều kiện tại chỗ và khả năng của GV, HS.

- Cần có các tập huấn kỹ thuật DHTT cho GV để họ có thể chuyển đổi sang DHTT khi cần thiết, không phải tự mày mò và đảm bảo chất lượng các bài giảng trực tuyến.

- Các nhà xuất bản giáo dục và các công ti thiết bị giáo

đục nên cung cấp các nguồn học liệu điện tử cho GV để giảm bớt gánh nặng cho GV trong xây dựng bài giảng điện tử, tiến dần đến cung cấp các module học tập trực tuyến tiêu chuẩn cho tất cả các cấp học và nhà trường.

- Việc đưa ra các mô hình dạy học tích hợp hay kết hợp các phương thức dạy trực tuyến và trực tiếp cần được nghiên cứu, đánh giá cẩn thận trước khi ban hành các

quy định về sử dụng các nền tảng (platform) và phương pháp DHTT trong giáo dục phổ thông.

- Các trường học, nhất là các trường ở địa bàn khó khăn cần được đầu tư thêm về thiết bị, phương tiện phục vụ dạy và học trực tuyến. Hạ tầng cần phải được đáp ứng tốt hơn cả đường truyền cũng như trang thiết bị. Địa bàn càng khó khăn yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật càng lớn.

Tài liệu tham khảo

- [1] *5 Challenges of Online Teaching (and How to Rise Above Them)*, <https://www.3plearning.com/blog/5-common-pit-falls-distance-teaching-avoid/>.
- [2] *8 problems of online training and how to solve them*, <https://www.game-learn.com/8-problems-of-online-training-and-how-to-solve-them/>.
- [3] Lisa Plitnichenko, (2020), *Online Learning Challenges (& Ways to Solve Them)*, <https://jellyfish.tech/10-challenges-of-E-learning-during-covid-19/>.
- [4] *Overcoming the challenges of online teaching*, <https://www.teachingenglish.org.uk/blogs/sakilandeswari/overcoming-challenges-online-teaching>.
- [5] Karen Quevillon, (2020), *Online Teaching: 3 Unique Challenges and How to Solve Them*, <https://tophat.com/blog/online-teaching-challenges/>.

A QUICK SURVEY OF THE ONLINE TEACHING ACTIVITIES BY SCHOOL TEACHERS DURING THE COVID-19 PERIOD AND RECOMMENDATIONS

Le Dong Phuong¹, Cao Thi Phuong Chi²

¹ Email: phuongld@vnies.edu.vn

² Email: chictp@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *This article presents some results from a survey on the online teaching activities done by school teachers during the school shutdown due to the COVID-19 pandemic with the participation of 929 secondary and primary school teachers from 42 provinces. Teachers conducting online teaching have qualifications from teacher training professional schools, colleges or universities. The most often taught subjects were Mathematics, Language Arts, Physics, Foreign Languages and primary school subjects. Teachers' abilities to conduct online classes are limited, but due to the social distancing policy and as per requested by educational authorities, they have to teach online. The main tools used were Zoom, Google Classrooms and Microsoft Teams, selected by teachers themselves since they know how to handle these tools. Teachers are learning by using groups on social media during the epidemic. The online teaching is mostly the live streaming of all video sessions of lectures. Although most of the teachers know how to integrate PowerPoint presentations into the live sessions, they do not have media editing skills. These teachers still have difficulties in conducting online teaching, they use their private laptops, some have to use smartphones with mobile internet connections due to the lack of fixed network connections. Some students do not have ability to participate in the online sessions. The large size of the online classes made interaction with students impossible. Based on the initial findings, recommendations have been made about organization of online teaching, training of teachers in teaching techniques, and assurance of online teaching in schools.*

KEYWORDS: Online teaching; school teachers; primary school teachers; lower secondary school teachers; upper secondary school teachers; teaching methods.